

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 321 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2011

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 1989
	Ngày: 31/3/11

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Quảng Trị đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội dài ven biển miền Trung và Quy hoạch phát triển vùng Bắc Trung Bộ; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực và gắn kết chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

2. Phát huy nội lực và sử dụng tốt mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bảo vệ môi trường; tập trung đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa Quảng Trị thoát khỏi tình nghèo.

3. Xây dựng Quảng Trị sớm trở thành một trong những trung tâm giao lưu, hợp tác phát triển với các địa phương trong nước và với các nước trong tiểu vùng sông Mêkông mở rộng; là một trong những cửa ngõ hướng ra Biển Đông của các nước và vùng lãnh thổ trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

4. Đầu tư đồng bộ cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, phát triển mạng lưới đô thị thành các trung tâm động lực, tạo hạt nhân phát triển cho các vùng trong Tỉnh.

5. Lấy con người làm mục tiêu và động lực phát triển, nâng cao trình độ dân trí, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; gắn tăng trưởng kinh tế với từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; chú trọng công tác xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động.

6. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh; củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo; duy trì quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt - Lào.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với cả nước; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển mạnh hệ thống đô thị, tạo động lực phát triển cho các vùng trong Tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 12 - 13%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 11,5 - 12,5%/năm và đạt 12,5 - 13,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020; GDP bình quân đầu người đến năm 2015 tăng hơn 2 lần so với năm 2010 và năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phân đầu đến năm 2015 cơ cấu kinh tế: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp là 49%, 31%, 20%; đến năm 2020 cơ cấu tương ứng là 56%, 31% và 13%;

- Phần đầu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 80 - 100 triệu USD và năm 2020 đạt 170 - 200 triệu USD; tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 20% từ GDP vào năm 2015 và khoảng 22% vào năm 2020.

b) Về phát triển xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,0% thời kỳ 2011 - 2020; tỷ lệ dân số thành thị đạt khoảng 33% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn hiện nay) mỗi năm từ 2,5 - 3%; tạo việc làm mới bình quân trên 8.000 lao động/năm; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 4% vào năm 2020;

- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% vào năm 2015, trong đó đào tạo nghề lên 33%; đến năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 50% và 44%;

- Hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến thôn, bản, phần đầu đến năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và có 8 bác sĩ, 25 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2020 phần đầu có 10 bác sĩ và 28 giường bệnh/1 vạn dân. Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 17% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020;

- Đến năm 2015 phần đầu đạt 95% dân số thành thị, 90% dân số nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và đến năm 2020 các chỉ tiêu trên đạt tương ứng là 100% và 95%.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 48% vào năm 2015 và trên 50% vào năm 2020; tăng diện tích cây xanh ở thành phố và các đô thị khác;

- Đến năm 2015 có 100% đô thị, khu cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ du lịch được thu gom, xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị thiết bị giảm ô nhiễm; 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế được xử lý. Đến năm 2020 phần đầu thu gom, xử lý 100% rác thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp - xây dựng

Phát triển công nghiệp - xây dựng nhằm tạo động lực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa bảo đảm sức cạnh tranh trên thị trường; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh, công nghiệp tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; khuyến khích phát triển ngành công nghiệp, các nghề tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống ở nông thôn có lợi thế, giải quyết nhiều lao động.

- Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 16 - 17%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17 - 18%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 16 - 17%/năm. Mục tiêu đến năm 2020 ngành đóng góp 56% GDP, giải quyết việc làm cho khoảng 24% lao động xã hội. Trong đó tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu sau:

+ Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống: Phát triển công nghiệp chế biến gắn với nguyên liệu tại chỗ như cà phê, cao su, hồ tiêu, tinh bột sắn, thủy hải sản, súc sản, thức ăn chăn nuôi, gỗ, nhựa thông, bột giấy, dầu sinh học, nước uống các loại; xem xét kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy bia phù hợp với nguồn lực và nhu cầu thị trường;

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Tập trung sản xuất các sản phẩm như xi măng, đá xây dựng, các phụ gia xi măng, gạch xây dựng, các loại tấm lợp; nghiên cứu sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, vật liệu mới như kính xây dựng, gạch ốp tường cao cấp; nghiên cứu chuyển đổi nhà máy xi măng lò đứng 8,2 vạn tấn/năm thành công nghệ lò quay công suất khoảng 15 vạn tấn/năm; đưa dây chuyền nghiền clanke tại Khu công nghiệp Nam Đông Hà vào hoạt động; tiếp tục triển khai các dự án xi măng tại Cam Tuyền, Cam Lộ, Tân Lâm và Tà Rùng phù hợp với nguồn lực và nhu cầu thị trường trong từng thời kỳ;

+ Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản như silicat, titan, than bùn, quặng vàng, nước khoáng. Gắn khai thác khoáng sản với chế biến ra những thành phẩm hàng hoá, hạn chế bán nguyên liệu thô; khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo, phục hồi môi trường vùng mỏ;

+ Công nghiệp cơ khí: Phát triển các cơ sở đóng và sửa chữa tàu đánh cá, phương tiện vận tải, máy nông nghiệp, cán kéo thép, cơ khí chế tạo, sản xuất phụ tùng, linh kiện máy móc; sản xuất phụ tùng xe máy, xe đạp; lắp ráp xe ô tô tải nhẹ;

+ Công nghiệp hóa chất: Nghiên cứu mở rộng quy mô nhà máy sản xuất phân bón NPK, nhà máy sẫm lốp xe máy, xe đạp; sản xuất các sản phẩm cao su dân dụng và y tế; nhựa xây dựng; bao bì các loại phù hợp với nguồn lực và nhu cầu thị trường. Nghiên cứu, xem xét các dự án sản xuất, chế biến các sản phẩm từ khí đốt trên địa bàn Tỉnh phù hợp với quy hoạch chung và phải bảo đảm hiệu quả kinh tế;

+ Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước: Tiếp tục xem xét, phát triển sản xuất điện, nhất là thủy điện nhỏ đáp ứng tốt nhu cầu điện tại chỗ. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng các nhà máy cấp nước đô thị, các khu cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch; mở rộng diện cấp nước sạch cho vùng nông thôn;

+ Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp khác: Công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu như dệt may, giày da; lắp ráp điện, điện tử, điện lạnh; sản xuất hàng mỹ nghệ, sản phẩm phục vụ khách du lịch và xuất khẩu.

- Chú trọng phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, nhà ở cho các đối tượng tái định cư phát sinh trong quá trình hình thành các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

- Phát triển các khu đô thị thuộc thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, đô thị vệ tinh và các khu du lịch dọc bờ biển, từng bước hình thành thị trường bất động sản.

2. Phát triển thương mại và dịch vụ

Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đồng thời phát huy lợi thế các ngành dịch vụ trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây bảo đảm tốt mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 11 - 12%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 10 - 11%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 từ 12 - 13%/năm. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ và thương mại chủ yếu sau:

- Về thương mại;

+ Củng cố và mở rộng thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn; đẩy mạnh xuất khẩu các loại hàng hoá sản xuất tại địa phương. Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp thương mại có quy mô lớn và khả năng cạnh tranh cao;

+ Phát triển khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo thành một trong những trung tâm giao lưu hàng hóa, dịch vụ lớn của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với các nước, các vùng lãnh thổ trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây;

+ Khuyến khích phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh phù hợp với nhu cầu trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các vùng;

+ Xây dựng các điểm dừng nghỉ kết hợp với trưng bày, bán các sản phẩm địa phương, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Về du lịch:

+ Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mạnh có đóng góp lớn cho nền kinh tế; lựa chọn một số sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc trưng để xây dựng một số thương hiệu du lịch mạnh như: du lịch về lại chiến trường xưa, hành lang kinh tế Đông - Tây, sinh thái biển - đảo, thăm quan các di tích; phát triển mạnh khu dịch vụ và du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ;

+ Liên kết chặt chẽ với du lịch các vùng miền trong cả nước và các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây để hình thành các tuyến du lịch trong nước với quốc tế;

- Vận tải, kho bãi: Phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho bãi, dịch vụ phục vụ hàng quá cảnh, tạm nhập tái xuất, gia công tái chế, đóng gói sản phẩm, linh kiện hàng hoá;

- Phát triển mạnh dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại, tiện lợi hướng về cơ sở;

- Tài chính, ngân hàng: Phát triển hệ thống tín dụng, ngân hàng nhằm cung cấp các dịch vụ hiện đại. Xây dựng các trung tâm lưu ký chứng khoán phục vụ nhu cầu nhân dân;

Phát triển các dịch vụ khác như bảo hiểm, tư vấn, công nghệ thông tin, phần mềm, nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

3. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thời kỳ 2011 - 2020 đạt bình quân 3,5 - 4,0%/năm.

- Phát triển toàn diện theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững bằng việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phương pháp canh tác có tỷ lệ cơ giới hoá cao từ khâu làm đất đến thu hoạch trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất hàng hoá lớn, tập trung bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Trong đó:

+ Tăng diện tích vùng lúa chất lượng cao lên khoảng 15.000 ha vào năm 2015 và khoảng 18.000 - 20.000 ha vào năm 2020; bảo đảm an ninh lương thực trước mắt và lâu dài;

+ Tiếp tục phát triển mạnh các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, hồ tiêu. Hình thành một số vùng sản xuất lớn, tập trung, chuyên canh các loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu) của từng vùng và nhu cầu thị trường;

+ Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35% vào năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020. Trọng tâm là nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng tăng trọng, thông qua mô hình chăn nuôi trang trại tập trung và hộ gia đình. Phát triển chăn nuôi bảo đảm phát huy lợi thế từng vùng và an toàn dịch bệnh;

- Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng độ che phủ hợp lý; kết hợp trồng rừng với phát triển chăn nuôi để khai thác, sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc. Phấn đấu mỗi năm trồng mới trên 4.500 ha rừng tập trung. Chú trọng phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, Bắc Hương Hóa và rừng cảnh quan sinh thái dọc đường Hồ Chí Minh;

- Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh, chiếm trên 30% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2020. Khai thác thế mạnh về kinh tế biển, chú trọng phát triển nuôi trồng, khai thác xa bờ, lấy công nghiệp chế biến làm động lực; tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là các loại hình dịch vụ trên biển để giảm chi phí sản xuất; phát triển thủy, hải sản gắn với du lịch, công nghiệp ven biển và bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản. Phấn đấu sản lượng thủy sản vào năm 2015 đạt khoảng 32 - 33 nghìn tấn, năm 2020 đạt khoảng 38 nghìn tấn;

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng hiện đại, phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, bảo đảm cho người dân nông thôn tiếp

cận tốt với các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng. Đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế nông thôn, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

- Về dân số, lao động, việc làm:

Ổn định quy mô dân số đến năm 2015 khoảng 700 nghìn người, năm 2020 khoảng 750 nghìn người, trong đó dân số nông thôn đến năm 2015 chiếm 67%, năm 2020 xuống còn 60% dân số.

Lực lượng lao động trong độ tuổi có nhu cầu việc làm đến năm 2015 khoảng 341,4 nghìn người, năm 2020 khoảng 360,9 nghìn người. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng từ 15% năm 2015 lên 24% năm 2020, lao động nông nghiệp giảm từ 48% năm 2015 xuống còn 43% vào năm 2020.

- Về Giáo dục và đào tạo:

+ Phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp, bậc học; gắn giáo dục đào tạo với định hướng phát triển nguồn nhân lực; tăng dần tỷ lệ đầu tư từ ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo;

+ Tổ chức triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trước năm 2015;

+ Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp theo hướng đạt chuẩn quốc gia; củng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú, mở rộng quy mô đào tạo, liên thông với các cấp học và tăng cường hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh dân tộc nội trú;

+ Mở rộng quy mô các cơ sở đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực giao thông vận tải, nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ.

- Về phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

+ Phát triển đồng bộ mạng lưới y tế đến cơ sở, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh;

+ Đối với các bệnh viện (Đa khoa tỉnh, Lao và Bệnh phổi, Y học cổ truyền) sẽ tiếp tục đầu tư phù hợp với nguồn lực trong từng thời kỳ; nghiên cứu nâng cấp bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Cửa Tùng, các bệnh viện Đa khoa khu vực, phòng Quản lý sức khỏe cán bộ. Thực hiện tốt chủ trương chuẩn quốc gia về y tế xã;

+ Từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế dự phòng và các trung tâm phòng chống bệnh xã hội. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện.

- Về phát triển văn hóa, thể dục thể thao:

+ Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa; tổ chức thực hiện tốt các lễ hội truyền thống như lễ hội Thống nhất Non sông (30/4), lễ hội Tri ân tháng Bảy nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, các giá trị văn hoá dân tộc và tiết kiệm;

+ Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, chú trọng phát triển thể thao thành tích cao; quan tâm phát triển thể dục thể thao học đường;

+ Nghiên cứu lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp để bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch; trong đó chú trọng những di tích trọng điểm như Thành Cổ Quảng Trị; địa đạo Vịnh Mốc; Di tích Đồi bờ Hiền Lương; khu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Khu di tích Sân bay Tà Con, Nhà tù Lao Bảo, tôn tạo di tích Dốc Miếu - Hàng rào điện tử Mc Namara. Quản lý và bảo vệ tốt các di tích lịch sử.

5. Về khoa học và công nghệ:

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý, sản xuất, kinh doanh; coi trọng việc ứng dụng công nghệ cao trong một số lĩnh vực của ngành công nghiệp, nông nghiệp, thông tin,...

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ; gắn nghiên cứu với ứng dụng các sản phẩm của đề tài khoa học vào sản xuất và đời sống;

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm hàng hoá;

- Từng bước xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

6. Về bảo vệ tài nguyên môi trường

- Chủ động ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị và ở các vùng dân cư tập trung; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành

kinh tế; khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái;

- Quản lý bảo vệ chặt chẽ việc khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, khoáng sản, nước, rừng và tài nguyên biển.

Thực hiện tốt công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, khoáng sản để có kế hoạch tổng thể trong việc khai thác tài nguyên, khoáng sản và hoàn thổ, phục hồi môi trường sau khai thác;

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất gây ô nhiễm môi trường, chất thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai. Xem xét đầu tư xây dựng các công trình phòng, tránh thiên tai và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bão lụt, hạn hán, sụt lún đất, sạt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển, nước mặn thâm nhập, sự cố tràn dầu,...

7. Về quốc phòng - An ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo.

8. Về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

a) Về giao thông:

Phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại. Cụ thể:

- Đối với các công trình giao thông thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn Tỉnh: Từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Bắc - Nam (theo quy hoạch đường cao tốc Việt Nam), đường cao tốc đoạn Cam Lộ - Túy Loan (theo quy hoạch đường Hồ Chí Minh); nâng cấp quốc lộ 1A (đoạn Đông Hà - thị xã Quảng Trị); xây dựng các tuyến đường tránh thành phố Đông Hà, tránh khu Di tích đôi bờ Hiền Lương; mở rộng quốc lộ 9 đoạn ngã tư Sông - Cửa Việt và đoạn tránh thành phố Đông Hà về phía Nam (9D); mở rộng quốc lộ 1A, quốc lộ 9 từ Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng (thuộc tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây)); xây dựng cầu vượt đường sắt và quốc lộ 1A (trên đường 9D); nâng cấp ga Đông Hà, tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; xây dựng hệ thống đường bộ ven biển, đường hành lang biên giới qua địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy hoạch;

- Đối với các công trình giao thông thuộc địa phương quản lý:

+ Nghiên cứu nâng cấp đường tỉnh lộ 571 (nối đường bộ ven biển - quốc lộ 1A - đường Hồ Chí Minh nhánh Đông - Tây), đường nối quốc lộ 1A với cảng Mỹ Thủy và một số tuyến đường tỉnh lộ quan trọng khác phù hợp với nhu cầu phát triển và nguồn lực đầu tư;

+ Cũng cố hệ thống giao thông thành phố Đông Hà; hoàn thiện các trục đường chính hai bên bờ sông Hiếu; nâng cấp hệ thống giao thông tại các đô thị còn lại;

+ Phấn đấu đến năm 2015 cứng hóa 50% chiều dài các tuyến đường huyện, đường liên xã và đạt 80% vào năm 2020; đến năm 2015 kiên cố hóa 60% chiều dài, năm 2020 kiên cố hóa trên 80% chiều dài các tuyến đường giao thông nông thôn phù hợp với khả năng của địa phương;

+ Xây dựng một số bến xe liên Tỉnh (bến xe trung tâm Đông Hà, Bắc Đông Hà, Nam Đông Hà, Lao Bảo,...) đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân;

+ Nghiên cứu xây dựng cầu Vĩnh Phước, Đại Lộc, Ba Buôi, Châu Thị, An Tiêm, cầu qua sông Hiếu (thành phố Đông Hà), cầu Hoang Cốc, Hội Yên 1, Hội Yên 2, cầu qua sông Thạch Hãn (thị xã Quảng Trị);

- Thực hiện các hình thức kêu gọi đầu tư phù hợp xây dựng cảng Mỹ Thủy; nghiên cứu xây dựng, nâng công suất một số bến tàu thủy; mở tuyến vận tải biển Cửa Việt - Cồn Cỏ - Cửa Tùng.

b) Về thủy lợi:

Phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo tưới tiêu ổn định, chủ động cho 85% diện tích đất canh tác lúa, mở rộng diện tưới cho cây màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, trong đó:

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng một số công trình thủy lợi quan trọng như đập Sa Lung, kênh La Ngà; nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, hồ Đá Mài - Tân Kim, hồ Hà Thượng phù hợp với nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thủy lợi nhỏ miền núi; bảo đảm an toàn đầu mối hồ chứa nước;

- Thực hiện tốt các chương trình: Kiên cố hóa kênh mương, xây dựng hệ thống đê biển, đê kè chống sạt lở bờ sông, hệ thống đê bao chống lũ, chống úng cho vùng trũng;

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống công trình ngăn mặn, chống mặn xâm thực ven sông, ven biển, nhất là ở các cửa sông xung yếu; các công trình phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; di dân tái định cư các vùng sụt lún, sạt lở, vùng trũng ngập lũ và xây dựng các khu tái định cư đảm bảo ổn định đời sống và điều kiện phát triển sản xuất của nhân dân phải đi đôi gắn với Quy hoạch nông thôn mới.

c) Hệ thống cấp điện

- Phát triển hệ thống lưới điện 500KV, 220KV theo đồ án Quy hoạch phát triển điện lực chung của cả nước. Xây dựng hệ thống lưới điện và các trạm biến áp đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề,...

- Từng bước hiện đại và ngầm hóa hệ thống lưới điện đô thị. Phát triển lưới điện để cung cấp cho những nơi chưa có điện;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (phong điện, điện mặt trời,...) tại các vùng có điều kiện. Nghiên cứu xây dựng hệ thống cấp điện cho huyện đảo Côn Cỏ.

d) Về cấp, thoát nước và môi trường:

- Từng bước nâng cấp, cải tạo các nhà máy nước hiện có, mở rộng mạng đường ống cấp nước nhằm khai thác có hiệu quả công suất của các nhà máy. Phát triển các mạng đường ống cấp nước Đông Hà - Ái Tử - Quảng Trị, Đông Hà - Gio Linh - Cửa Việt, Đông Hà - Cam Lộ, Khe Sanh - Lao Bảo để mở rộng diện cấp nước cho các vùng nông thôn nơi có đường ống đi qua;

- Nghiên cứu triển khai dự án cấp nước tại các đô thị Khe Sanh - Lao Bảo, Đông Hà, Quảng Trị và Cửa Việt phù hợp với nguồn lực. Tiếp tục thực hiện các dự án cấp nước cho những đô thị chưa có nhà máy nước, các đô thị mới thành lập, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp; xây dựng hệ thống cấp nước ngọt đảm bảo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên đảo Côn Cỏ;

- Tiếp tục thực hiện chương trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, kết hợp thực hiện các biện pháp xử lý nước để đảm bảo nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho khu vực nông thôn; xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước thải, nước mưa chung ở các đô thị và các khu tập trung đông dân cư. Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ du lịch,.. đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Các chất thải y tế, chất thải công nghiệp độc hại được quản lý, thu gom và xử lý theo đúng quy trình.

Xây dựng hệ thống bãi rác thải cho các đô thị; tổ chức thu gom, phân loại rác thải trước khi đưa về các bãi rác thải. Khuyến khích xây dựng các nhà máy tái chế rác thải;

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến môi trường để chủ động các giải pháp xử lý kịp thời, nhất là ở những địa bàn nhạy cảm về môi trường.

đ) Về phát triển bưu chính và thông tin truyền thông:

- Phát triển kết cấu hạ tầng bưu chính viễn thông có công nghệ hiện đại ngang tầm với các tỉnh trong cả nước; phát triển mạng lưới bưu điện văn hóa xã đảm bảo cung cấp hầu hết dịch vụ bưu chính do bưu cục cung cấp. Phân đầu bảo đảm các thôn, cụm thôn có điểm cung cấp dịch vụ thiết yếu về bưu chính, đảm bảo thư báo đến đảo Côn Cỏ kịp thời;

- Phát triển viễn thông đáp ứng tốt nhu cầu về thông tin liên lạc. Từng bước ngầm hóa mạng cáp viễn thông ở các đô thị;

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, công nghệ phát thanh truyền hình. Từng bước nghiên cứu xây dựng hệ thống phát thanh truyền hình cáp đa kênh, truyền hình tương tác, truyền hình theo yêu cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

Phát triển hài hoà, bền vững giữa các vùng, xây dựng đô thị văn minh hiện đại và nông thôn mới toàn diện; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng trong Tỉnh, nhất là giữa đồng bằng với miền núi, giữa thành thị với nông thôn.

1. Phát triển không gian đô thị và công nghiệp

- Phát triển mạng lưới đô thị:

Phát triển không gian thành phố Đông Hà theo 4 hướng, lấy sông Hiếu làm trục trung tâm. Nâng cấp thành phố Đông Hà lên đô thị loại 2, thị xã Quảng Trị, khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo lên đô thị loại 3, thị trấn Hồ Xá lên đô thị loại 4 khi có đủ các điều kiện theo quy định. Nghiên cứu thành lập mới các thị trấn Bồ Bản, Mỹ Thủy, Tà Rụt, A Túc và Hướng Phùng.

- Phát triển hệ thống các khu công nghiệp: Nam Đông Hà, Quán Ngang, Hải Lăng, Bắc Hồ Xá và Đường 9 theo quy hoạch ngành.

2. Phát triển các hành lang kinh tế, khu kinh tế

- Các hành lang kinh tế: Hành lang Đường 9, quốc lộ 1A, đường bộ ven biển và hành lang đường Hồ Chí Minh.

- Các khu kinh tế: Phát triển Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo; tiếp tục nghiên cứu phát triển khu kinh tế Đông Nam và đảo Côn Cỏ khi đáp ứng đủ các tiêu chí về thành lập khu kinh tế theo quy định.

3. Phát triển kinh tế - xã hội theo các vùng

- Vùng miền núi: Phát huy vai trò các cửa khẩu, khu kinh tế, hành lang đường 9, dọc đường Hồ Chí Minh và tài nguyên khoáng sản để phát triển thương mại dịch vụ và công nghiệp. Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp tập trung, trồng rừng, chăn nuôi gia súc. Quan tâm đặc biệt đến công tác định canh định cư, xây dựng kinh tế mới, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc ít người, bảo vệ biên giới;

- Vùng đồng bằng: Xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và ngành công nghiệp có lợi thế; khôi phục và phát triển các ngành nghề ở nông thôn;

- Vùng ven biển và đảo Côn Cỏ: Khai thác tốt tiềm năng biển, đảo; phát triển nuôi trồng thủy sản, dịch vụ cảng biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái biển - đảo; phát triển tổng hợp nông, ngư nghiệp, dịch vụ và các ngành có lợi thế khác để xóa đói giảm nghèo cho dân cư vùng ven biển, hải đảo; bảo vệ tốt tài nguyên biển.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 170.000 tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 50.000 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 120.000 tỷ đồng.

Ngoài nguồn đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, Tỉnh cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút tốt các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào Tỉnh, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA;

- Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nhất là cải cách thủ tục đầu tư; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,... để huy động vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực này;

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP,... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

2. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng chiến lược phát triển đào tạo các ngành, nghề bảo đảm cân đối giữa các vùng miền trong Tỉnh và phù hợp với nhu cầu của thị trường; hợp tác chặt chẽ với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài Tỉnh để đào tạo nguồn lao động chuyên môn kỹ thuật mà các cơ sở đào tạo của Tỉnh chưa đáp ứng được;

- Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ quản lý ở các cấp, các lĩnh vực kể cả đối với các doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các hình thức đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các trung tâm giới thiệu việc làm;

- Kết hợp hài hoà giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo; xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể nhằm thu hút nhân tài, lực lượng lao động có trình độ cao về công tác tại địa phương;

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nhằm tăng cường hơn nữa đầu tư cho giáo dục, đào tạo; khuyến khích các hoạt động xã hội về khuyến học,

khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện tốt việc nghiên cứu gắn với ứng dụng vào sản xuất, đời sống. Đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nhất là công tác tuyển chọn đề tài và giao nhiệm vụ thực hiện đề tài khoa học; nâng cao năng lực hoạt động của Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật Tỉnh;

- Xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu, xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật về môi trường, không ngừng nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ việc thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy nhà nước quản lý môi trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5. Giải pháp về phát triển các thành phần kinh tế, tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về doanh nghiệp, khuyến khích phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và kinh tế hợp tác; tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp, các thủ tục đầu tư,...

- Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý thuế bảo đảm quản lý nhà nước theo pháp luật, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh; thực hiện tổng thể, đồng bộ các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh.

6. Tăng cường hợp tác và phát triển thị trường

- Phát triển kinh tế đối ngoại toàn diện, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài vào phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường hợp tác liên kết nhất là với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các thành phố lớn nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây và mở rộng thị trường trong nước;

- Phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ; nâng cao chất lượng sản phẩm và thương hiệu hàng hoá. Tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường nông thôn, nhất là ở miền núi, vùng ven biển, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích liên kết kinh tế giữa các cơ sở sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm;

- Phát triển đa dạng và đồng bộ các loại thị trường vốn, chứng khoán, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ;

- Tăng cường quản lý thị trường chống hàng giả và gian lận thương mại, bảo vệ sở hữu trí tuệ.

7. Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước

- Hiện đại hóa nền hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử; củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương các cấp nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và thực thi công vụ. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người dân, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật. Phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Mở rộng áp dụng mô hình "một cửa" ở các cơ quan đơn vị; tăng cường phân công, phân cấp cho các ngành, các cấp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh ngay sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để từng bước thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hoá các mục tiêu của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ;

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh để bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút đầu tư, huy động tốt các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với tỉnh Quảng Trị để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

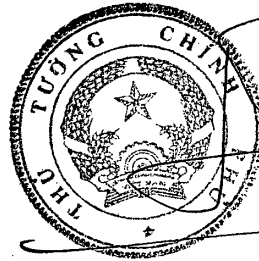
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b) **240**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2010 - 2020 TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **321** /QĐ-TTg
ngày **02** tháng **3** năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án
I	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ
1	Nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Đông Hà - thị xã Quảng Trị
2	Quốc lộ 1A tránh Đông Hà về phía Đông
3	Mở rộng quốc lộ 9 tránh Đông Hà về phía Nam (đường 9D) và xây dựng cầu vượt đường sắt, quốc lộ 1A (trên đường 9D)
4	Mở rộng quốc lộ 9 đoạn ngã tư Sông - Cửa Việt
5	Mở rộng quốc lộ 9 và quốc lộ 1A từ Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng (tuyên hành lang kinh tế Đông Tây)
6	Cao tốc Cam Lộ - Túy Loan (theo quy hoạch đường Hồ Chí Minh)
7	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (theo quy hoạch đường cao tốc Việt Nam)
8	Tuyến đường bộ ven biển (qua tỉnh Quảng Trị)
9	Tuyến đường hành lang biên giới (qua tỉnh Quảng Trị)
10	Tuyến đường sắt Lao Bảo - Mỹ thủy (tuyến đường sắt cận cao tốc trên hành lang kinh tế Đông - Tây)
11	Đường sắt cao tốc Bắc Nam (qua tỉnh Quảng Trị)
12	Cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Cửa Việt
13	Di tích lịch sử hàng rào điện tử Mc. Namara
14	Khu bảo tồn nguồn lợi biển đảo Cồn Cỏ
II	CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
a	Công nghiệp
1	Kết cấu hạ tầng ban đầu khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị
2	Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nam Đông Hà
3	Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quán Ngang
4	Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hải Lăng
5	Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Hồ Xá
6	Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đường 9
7	Cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ
b	Thương mại - dịch vụ và du lịch

1	Kết cấu hạ tầng khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo
2	Kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu La Lay
3	Kết cấu hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ
4	Kết cấu hạ tầng khu dịch vụ du lịch bãi tắm Triệu Lăng
c	Nông nghiệp
1	Hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn
2	Hệ thống chống lũ vùng trũng Hải Lăng
3	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Cồn Cỏ (giai đoạn 2)
4	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Triệu An
5	Hệ thống đê biển
6	Hệ thống đê, kè chống sạt lở bờ sông
7	Di dân tái định cư các vùng sụt lún, sạt lở đất nguy hiểm
d	Giao thông - Vận tải
1	Cảng hàng không sân bay Quảng Trị
2	Đường nối Quốc lộ 1A về cảng Mỹ Thủy
3	Kết cấu hạ tầng ban đầu Cảng Mỹ Thủy
4	Các cầu: Vĩnh Phước, Đại Lộc, Ba Buôi, Châu Thị, An tiêm, qua Sông Hiếu, Hội Yên 1, Hội Yên 2, qua sông Thạch Hãn, An Mô
5	Bến số 3 - cảng Cửa Việt
6	Kết cấu hạ tầng ban đầu Cảng trung chuyển công - ten - nơ
7	Đường Tà Rụt - La Lay
8	Đường 571 (quy hoạch nâng cấp thành Quốc lộ)
9	Bến cập tàu và mở luồng vận tải Cửa Việt - Cồn Cỏ, Cửa Tùng - Cồn Cỏ
đ	Hạ tầng đô thị và môi trường
1	Đường và kè 2 bên bờ sông Hiếu - thành phố Đông Hà
2	Kết cấu hạ tầng đô thị Đông Hà
3	Dự án cấp nước và vệ sinh môi trường vùng Mê Kông cho 4 đô thị: Khe Sanh - Lao Bảo, Đông Hà, Quảng Trị, Cửa Việt
4	Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thị xã Quảng Trị
5	Dự án hợp tác mở rộng cấp nước thành phố Đông Hà và vùng lân cận
6	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các đô thị
7	Xây dựng các trung tâm quan trắc, giám sát môi trường
8	Cấp nước cho các thị trấn Ái Tử, Cửa Tùng và các thị trấn mới; nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước các đô thị

9	Xây dựng hệ thống bãi rác thải ở các đô thị
e	Giáo dục – Đào tạo
1	Trường Đại học Kỹ thuật Quảng Trị (thuộc Đại học Huế)
2	Nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị thành trường Đại học
3	Nâng cấp trường Trung học NN - PTNT thành trường Cao đẳng
4	Nâng cấp trường Trung học Y tế thành trường Cao đẳng
5	Nâng cấp trường Công nhân kỹ thuật và nghiệp vụ Giao thông - Vận tải thành trường Trung học
6	Nâng cấp trường Trung học Dạy nghề Tổng hợp thành trường Cao đẳng
7	Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị để nâng lên bậc Đại học
g	Y tế
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
2	Bệnh viện Lao
3	Bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Trung ương Huế tại Quảng Trị
4	Các trung tâm y tế dự phòng: Trung tâm kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm; trung tâm kiểm dịch y tế tại Lao Bảo, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm phòng chống bệnh xã hội
5	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản
h	Văn hoá - Thể thao
1	Quảng Trường và Nhà văn hóa trung tâm tỉnh
2	Di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2
3	Khu liên hợp thể thao Đông Hà
4	Khu di tích Cần Vương - Tân Sở
5	Nhà thi đấu đa năng tỉnh
6	Di tích Dốc Miếu - Hàng rào điện tử Mc Namara
i	Xã hội và xoá đói giảm nghèo
1	Đề án xoá đói giảm nghèo bền vững huyện Đakrông
2	Dự án Rà phá bom mìn vật liệu nổ (giai đoạn 1, giai đoạn 2)
3	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị
4	Dự án Chia sẻ giai đoạn 2
5	Các dự án ODA hỗ trợ phát triển, xoá đói giảm nghèo

III	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ
a	Công nghiệp
1	Trung tâm nhiệt điện Bắc miền Trung tại Quảng Trị
2	Khu Khí - Điện - Đạm
3	Nhà máy xi măng 70-100 vạn tấn
4	Nhà máy đóng tàu
5	Hệ thống thủy điện nhỏ
6	Nhà máy bia 25-30 triệu lít/năm
7	Nhà máy chế biến Silicat tại Hải Lăng
8	Nhà máy cán kéo thép chất lượng cao
9	Nhà máy lắp ráp xe tải nhẹ
10	Nhà máy chế biến súc sản xuất khẩu
11	Nhà máy chế biến dầu sinh học
12	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan
13	Nhà máy thu gom và xử lý, tái chế rác thải
14	Các nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu
15	Các nhà máy dệt, may xuất khẩu; sản xuất giấy, da xuất khẩu
16	Nhà máy chế biến thủy sản
b	Thương mại - dịch vụ - du lịch
1	Hệ thống cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm, buôn bán dọc hành lang kinh tế Đông - Tây
2	Các khu dịch vụ - du lịch (resort) dọc ven biển Cửa Việt - Cửa Tùng
3	Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tại Đông Hà, Lao Bảo
4	Khu du lịch sinh thái hồ Rào Quán
5	Lâm viên cọ dầu Trung Chi
6	Khu du lịch La Vang
7	Các khách sạn 4 - 5 sao tại Đông Hà, Lao Bảo, Cửa Việt - Cửa Tùng
c	Nông nghiệp
1	Các trang trại nông lâm ngư hoặc kết hợp
2	Phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung ven sông Cửa Việt, Hiền Lương, Cánh Hòm và vùng cát ven biển
3	Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu gỗ MDF
4	Dự án trồng rừng nhiên liệu sinh học
d	Giao thông - Vận tải
1	Kết cấu hạ tầng cảng và các cụm dịch vụ cảng biển Mỹ Thủy

2	Kết cấu hạ tầng cảng và các cụm dịch vụ trung chuyển công - ten - nơ
3	Hệ thống logistic dọc hành lang kinh tế Đông - Tây (kho bãi trung chuyển hàng hóa, kho ngoại quan, các trung tâm dịch vụ vận tải...)
4	Các trung tâm dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, lữ hành, taxi...
đ	Công cộng - Đô thị
1	Trung tâm hội chợ, hội nghị, triển lãm tại Đông Hà, Lao Bảo
2	Khu thương mại và văn phòng cao cấp ở Đông Hà, Lao Bảo
3	Khu đô thị mới Nam Đông Hà
4	Khu đô thị mới Bắc Đông Hà
e	Các lĩnh vực văn hoá - xã hội
1	Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa
2	Các trường học phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề
3	Bảo tồn các di tích lịch sử kết hợp kinh doanh du lịch, dịch vụ
4	Các công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên, sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn./.